

Số: 291/2020/QĐST- HNGĐ

M L, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 284/ 2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: chị **Ngô Thị Nuôi T**, sinh năm 1981

HKTT: thôn Đ, xã T, huyện M L, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: anh **Phạm Anh T**, sinh năm 1978

HKTT: thôn Đ, xã T, huyện M L, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Nuôi T và anh Phạm Anh T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị T, anh T xác nhận có hai con chung tên Phạm Đình T1 sinh ngày 22/5/2001 và Phạm Đình T2 sinh ngày 23/3/2004.

Cháu T1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi nào khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu.

Sau ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Các đương sự tự giải quyết không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về công sức, công nợ: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ số 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai AA/2017/0009773 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M L, hoàn trả lại chị T số tiền 150.000đ theo số biên lai ghi trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND, CCTHADS huyện M L;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**LƯƠNG THỊ DIỆU KIM**